



ipard

AGRO INFO

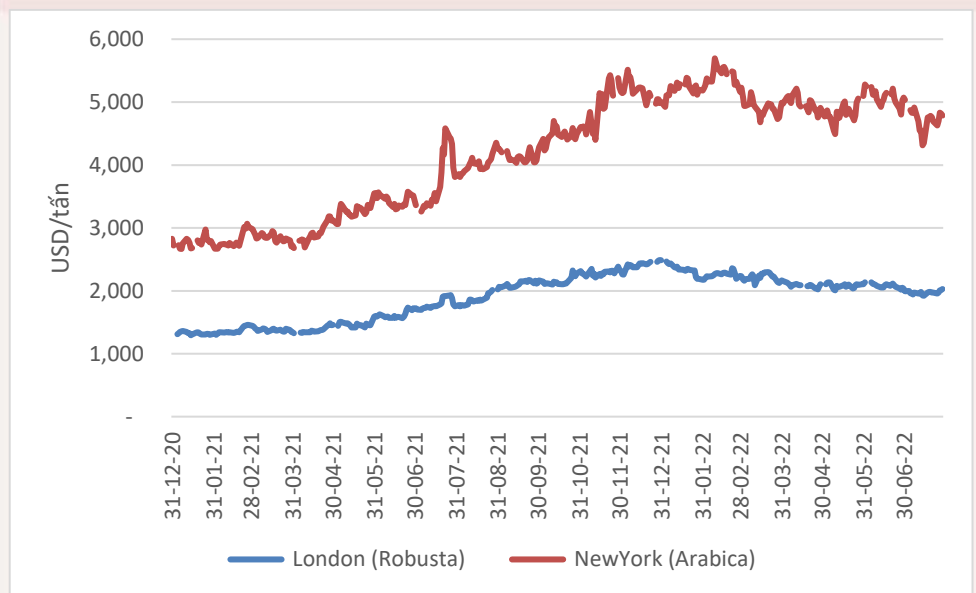
Tuần 30
(25.07.2022 – 29.07.2022)

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T9/2022 tăng 1,02% so với tuần trước lên mức bình quân 1.997 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2022 tăng 0,04% so với mức giá tuần trước lên mức bình quân 4.753 USD/tấn.
- ❖ Tháng 5/2022, Hàn Quốc nhập khẩu cà phê từ các thị trường trên thế giới đạt xấp xỉ 17 nghìn tấn, trị giá 110,5 triệu USD.
- ❖ Nhu cầu tiêu thụ cà phê tại Trung Quốc đang tăng với tốc độ trung bình 15%/năm vì nhu cầu thưởng thức cà phê của người dân tăng.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 9/2022 diễn biến tăng trong tuần. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 1.997 USD/tấn, tăng 1,02% so với tuần trước, và tăng 7,56% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.030 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.955 USD/tấn.

Thị trường New York kỳ hạn tháng 9/2022 diễn biến tăng trong tuần. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 4.753 USD/tấn, tăng 0,04% so với mức giá tuần trước và tăng 13,34% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.830 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 4.631 USD/tấn.

Cà phê đã trở thành một phần quan trọng trong sinh hoạt của người dân Hàn Quốc. Điều này đã dẫn đến nhu cầu tiêu thụ cà phê ngày càng tăng tại thị trường này. Đây là động lực để ngành cà phê Hàn Quốc tăng trưởng và phát triển ổn định.

Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong tháng 5/2022, Hàn Quốc nhập khẩu cà phê từ các thị trường trên thế giới đạt xấp xỉ 17 nghìn tấn, trị giá 110,5 triệu USD.

Con số này giảm 1,8% về lượng, nhưng tăng 4,4% về trị giá so với tháng 4/2022, so với tháng 5/2021 tăng 9,3% về lượng và tăng 54,6% về trị giá, theo báo cáo mới nhất từ Cục Xuất Nhập khẩu (Bộ Công Thương).

Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu cà phê của Hàn Quốc đạt xấp xỉ 78,4 nghìn tấn, trị giá 469 triệu USD, tăng 1,6% về lượng và tăng 36,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 5 tháng đầu năm 2022, Hàn Quốc nhập khẩu chủ yếu chủng loại cà phê chưa rang, chưa loại bỏ caffeine (HS 090111), tỷ trọng chiếm 85,87% tổng lượng, đạt 67,31 nghìn tấn, trị giá 319,94 triệu USD, tăng 2,6% về lượng và tăng 69,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Đáng chú ý, Hàn Quốc tăng nhập khẩu chủng loại cà phê chưa rang, đã khử caffeine (HS 090112), tỷ trọng chiếm 3,09% tổng lượng, đạt 2,42 nghìn tấn, trị giá 16,52 triệu USD, tăng 154,1% về lượng và tăng 218,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Theo báo cáo của Safras & Mercados, hiện Brazil mới thu hoạch khoảng 48% vụ mùa, thấp hơn mức trung bình 5 năm là 58% vào cùng thời điểm do thiếu hụt nhân công thu hái và thời tiết vẫn thiếu nắng, không thuận lợi cho việc phơi sấy.

Theo Hiệp hội Xuất khẩu Cà phê Brazil (Cecafé), trong niên vụ cà phê 2021-2022 (từ tháng 7/2021 đến tháng 6/2022), Brazil xuất khẩu 39,589 triệu bao (bao 60 kg) cà phê các loại.

Con số sản lượng này trị giá 8,17 tỷ USD, giảm 13,3% về lượng, nhưng tăng 38,7% về trị giá so với niên vụ cà phê 2020-2021.

Hiệp hội ngành nghề cà phê Trùng Khánh cho biết nhu cầu tiêu thụ cà phê tại Trung Quốc đang tăng với tốc độ trung bình 15%/năm vì nhu cầu thưởng thức cà phê của người dân tăng. Chính vì vậy, tiềm năng nhập khẩu cà phê Việt Nam của Trung Quốc còn rất lớn.

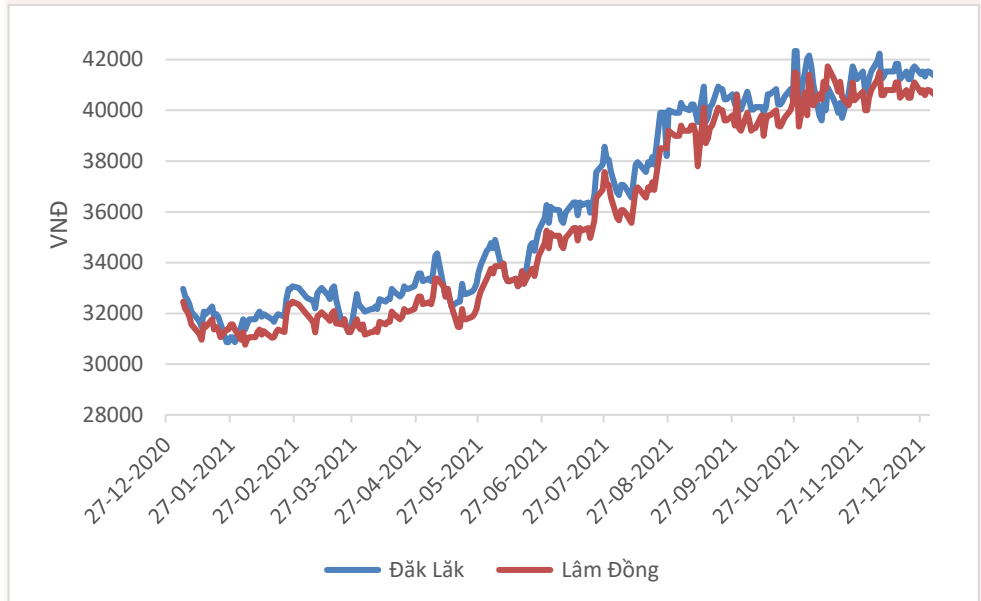
Bên cạnh đó, người dân Trung Quốc không ngại khám phá những lối sống mới cũng là một đặc điểm thúc đẩy tiêu thụ cà phê chế biến sâu tại thị trường này.

Cơ quan phát triển cà phê Uganda UCDA đã báo cáo rằng xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 6 thấp hơn 14,20% so với cùng tháng năm ngoái, với tổng số 530.365 bao. Trong đó, xuất khẩu cà phê robusta của Uganda đạt 444.197 bao và cà phê arabica 86.168 bao. Lũy kế xuất khẩu thấp hơn 14%, trong khi tăng 43% về giá trị so với cùng tháng năm ngoái.

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng so với tuần trước. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 42.900 đồng/kg. Giá trung bình tại Lâm Đồng là 42.600 đồng/kg.
- ❖ Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn tăng 0,34% so với tuần trước lên mức 2.042 USD/tấn.
- ❖ Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ 13 của Việt Nam. Trong nửa đầu năm 2022, lượng cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc đạt trung bình 3,2 nghìn tấn/tháng, thấp hơn so với trung bình 3,47 nghìn tấn/tháng cùng kỳ năm 2021.
- ❖ Ba tháng đầu năm nay, doanh thu thuần của VinaCafé Biên Hòa đạt 426 tỷ đồng. Lãi sau thuế là 82,5 tỷ đồng. Như vậy, kết thúc quý I/2022, VinaCafé Biên Hòa mới hoàn thành 17% mục tiêu doanh thu và 16,5% chỉ tiêu doanh thu.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này diễn biến tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 42.900 đồng/kg, tăng 1,00% so với tuần trước và tăng 12,82% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 1,33% so với tuần trước, lên mức bình quân 42.600 đồng/kg và tăng 15,05% so với cùng kỳ năm 2021.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 2.041,6 USD/tấn, tăng 0,34% so với tuần trước.

Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ 13 của Việt Nam. Trong nửa đầu năm 2022, lượng cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc đạt trung bình 3,2 nghìn tấn/tháng, thấp hơn so với trung bình 3,47 nghìn tấn/tháng cùng kỳ năm 2021.

Tuy nhiên, xét về trị giá, xuất khẩu cà phê sang Hàn Quốc trong nửa đầu năm 2022 đạt bình quân 8,2 triệu USD/tháng, cao hơn so với 6,53 triệu USD/tháng cùng kỳ năm 2021.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 6/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt 2,47 nghìn tấn, trị giá 6,17 triệu USD, giảm 35,4% về lượng và giảm 27,7% về trị giá so với tháng 5/2022, so với tháng 6/2021 giảm 34,7% về lượng và giảm 20,6% về trị giá.

Trong quý II/2022, xuất khẩu cà phê sang Hàn Quốc đạt 9,46 nghìn tấn, trị giá 22,8 triệu USD, giảm 2,7% về lượng và giảm 13,5% về trị giá so với quý I/2022, so với quý II/2021 giảm 4,0% về lượng, nhưng tăng 14,3% về trị giá.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu cà phê sang Hàn Quốc đạt xấp xỉ 19,2 nghìn tấn, trị giá 49,16 triệu USD, giảm 7,9% về lượng, nhưng tăng 25,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Công ty cổ phần VinaCafé Biên Hòa (mã chứng khoán: VCF) đánh giá tình hình chiến sự bất ổn của thế giới, đặc biệt là cuộc xung đột vũ trang tại Đông Âu vào đầu năm 2022 sẽ làm cho giá cả đầu vào như giá dầu, nguyên vật liệu và bao bì tăng cao. Năm 2022, VinaCafé Biên Hòa đặt mục tiêu doanh thu thuần từ 2.500 tỷ đồng đến 2.900 tỷ đồng và mục tiêu lãi sau thuế cao nhất 600 tỷ đồng, thấp nhất về 500 tỷ đồng.

Kế hoạch kinh doanh này thấp hơn kế hoạch kinh doanh năm 2021. Cụ thể, năm 2021, VinaCafé Biên Hòa đặt mục tiêu doanh thu thuần đạt thấp nhất 2.900 tỷ đồng và cao nhất 3.000 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế phân bổ về cho cổ đông công ty ước đạt thấp nhất 710 tỷ đồng và cao nhất 730 tỷ đồng. Tuy nhiên lũy kế cả năm 2021, doanh thu thuần của VinaCafé Biên Hòa chỉ đạt 2.217 tỷ đồng, giảm 23,6% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 429 tỷ đồng, giảm 41% so với năm 2020. Với kết quả đạt được, VinaCafé Biên Hòa chỉ hoàn thành 76% chỉ tiêu doanh thu và 60% chỉ tiêu lợi nhuận (theo kế hoạch thận trọng).

Ba tháng đầu năm nay, doanh thu thuần của VinaCafé Biên Hòa đạt 426 tỷ đồng. Lãi sau thuế là 82,5 tỷ đồng. Như vậy, kết thúc quý I/2022, VinaCafé Biên Hòa mới hoàn thành 17% mục tiêu doanh thu và 16,5% chỉ tiêu doanh thu (theo kế hoạch kinh doanh thận trọng). Mặc dù chưa có báo cáo kinh doanh 6 tháng nhưng kết quả quý I sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận của doanh nghiệp.

Thực tế, các doanh nghiệp trồng và chế biến cà phê đã và đang gặp khó khăn khi giá phân bón tăng cao. Theo Tổng cục Thống kê, Nga – nhà cung cấp phân bón hàng đầu thế giới đã tạm dừng xuất khẩu từ tháng 03/2022 làm cho nguồn cung phân bón trên thế giới giảm, tạo áp lực tăng giá lên giá xuất và nhập khẩu phân bón. Cụ thể, giá nhập khẩu phân bón 06 tháng đầu năm tăng 43,9% do nguồn cung phân bón đang khan

hiếm và chi phí vận chuyển tăng cao. Nhập khẩu phân bón từ Nga gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với phân kali do Nga và Belarus chiếm gần 50% lượng kali cung cấp trên toàn thế giới. Giá xuất khẩu cũng tăng 52,96% so với nửa đầu năm 2021.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi phí phân bón chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành sản xuất, tới 50%. Trước lo ngại chi phí có thể bào mòn lợi nhuận của doanh nghiệp, hầu hết các công ty trồng và chế biến cà phê niêm yết trên sàn chứng khoán còn lại đều đặt kế hoạch doanh thu cao, nhưng lợi nhuận eò uột.

Năm 2022, Công ty cổ phần Cà phê Thuận An (mã chứng khoán: TAN) đặt kế hoạch doanh thu hơn 19 tỷ đồng, tăng 36,7% so với số thực hiện năm 2021, nhưng kế hoạch lợi nhuận trước thuế chỉ là 1,7 tỷ đồng, tăng nhẹ hơn 3,3% so với số thực hiện năm ngoái. Hay như Công ty cổ phần Cà phê Phước An (mã chứng khoán: CPA) cũng đặt kế hoạch doanh thu năm 2022 tăng hơn 96% so với số thực hiện năm 2021, đạt hơn 116,4 tỷ đồng. Tuy nhiên, mục tiêu lợi nhuận trước thuế công ty đặt ra chỉ là 4,96 tỷ đồng, giảm hơn 67,5% so với số thực hiện năm ngoái. Trước đó, doanh thu năm 2021 của công ty đạt hơn 59,3 tỷ đồng, giảm gần 35% so với năm 2020; trong khi lợi nhuận trước thuế đạt hơn 15,2 tỷ đồng, giảm 43,5% so với năm 2020.

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.theice.com/index>
2. <https://www.iandmsmith.com/>
3. <https://www.comunicaffe.com>
4. CTV và trang tin Tin Tây Nguyên
5. <https://giacaphe.com>
6. <https://www.comunicaffe.com/>
7. <https://vietnambiz.vn/gia-ca-phe-hom-nay-297-bien-dong-trai-chieu-duoi-05-2022728102024428.htm>
8. <https://thuonghieulonguan.com.vn/gia-tang-cao-doanh-nghiep-ca-phe-nem-vi-dang-a175626.html>

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	42,100	42,400	42,500	43,000	43,000	42,600	560
Bảo Lộc	42,100	42,400	42,500	43,000	43,000	42,600	560
Di Linh	42,100	42,400	42,500	43,000	43,000	42,600	560
Lâm Hà	42,100	42,400	42,500	43,000	43,000	42,600	560
ĐẮK LẮK	42,533	42,833	42,933	43,100	43,100	42,900	427
Cư M'gar	42,600	42,900	43,000	43,500	43,500	43,100	560
Ea H'leo	42,500	42,800	42,900	42,900	42,900	42,800	360
Buôn Hồ	42,500	42,800	42,900	42,900	42,900	42,800	360
GIA LAI	42,433	42,733	42,833	43,333	43,333	42,933	560
Pleiku	42,400	42,700	42,800	43,300	43,300	42,900	560
Chư Prông	42,500	42,800	42,900	43,400	43,400	43,000	560
La Grai	42,400	42,700	42,800	43,300	43,300	42,900	560
ĐẮK NÔNG	42,450	42,750	42,850	43,350	43,350	42,950	560
Đắk R'lấp	42,400	42,700	42,800	43,300	43,300	42,900	560
Gia Nghĩa	42,500	42,800	42,900	43,400	43,400	43,000	560
KON TUM	42,400	42,800	42,900	43,400	43,400	42,980	640
Đắk Hà	42,400	42,800	42,900	43,400	43,400	42,980	640
HỒ CHÍ MINH (USD/tấn)	2,017	2,028	2,029	2,064	2,070	2,042	7

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO****INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn